TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Cẩm T, sinh ngày 07 tháng 01 năm 1999; Nơi cư trú: Ấp BHT, xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là khóm BHT, phường TL, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn: Anh Trương Văn K, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Ấp BHTr, xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là khóm BHTr, phường TL, tỉnh Đồng Tháp).

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 7 năm 2025 của nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T trình bày: Vào năm 2019, chị có quen biết với anh Trương Văn K, sau thời gian tìm hiểu được khoảng

01 tháng thì chị và anh K tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới cho chị và anh K vào ngày 30 tháng 4 năm 2019 (âm lịch), cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường TL, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới hai vợ chồng chị cùng đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới thì vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm, tiền bạc trong gia đình, cũng có lúc cực cãi nhau, có lúc cũng có đánh nhau, sống chung không còn hạnh phúc. Chị và anh K đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay, trong thời gian không còn sống chung thì chị và anh K không có liên lạc gì với nhau. Chị nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn K. Về con chung: Chị và anh K có được 01 con chung tên Trương Thảo Vy, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2020, hiện đang sống chung với gia đình anh K, chị đồng ý giao con chung cho anh K tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Trương Văn K đã được Toà án triệu tập để hoà giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Toà án để tham gia phiên hoà giải và xét xử.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 9, 14, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Phan Thị Cẩm T được ly hôn với anh Trương Văn K; Về con chung: Giao con chung Trương Thảo Vy, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2020 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh K chưa có văn bản trình bày yêu cầu của mình, nếu anh có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác; Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trương Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phan Thị Cẩm T và anh Trương Văn K là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Cẩm T đối với anh Trương Văn K, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị T thì cuộc sống của chị và anh K ngay sau khi cưới thì vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm, tiền bạc trong gia đình, cũng có lúc cực cãi nhau, có lúc cũng có đánh nhau, sống chung không còn hạnh phúc, chị và anh K đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay, trong thời gian không còn sống chung thì chị và anh K không có liên lạc gì với nhau. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị T và anh K hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Phan Thị Cẩm T ly hôn với anh Trương Văn K.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Phan Thị Cẩm T đồng ý giao con chung Trương Thảo Vy, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2020 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy hiên nay con chung đang do anh K chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy để ổn định cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh K chưa có yêu cầu, nếu anh K có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiên dân sự khác và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Cẩm T cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Trương Văn K không có văn bản trình bày ý kiến của mình, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Cẩm T. Cho chị Phan Thị Cẩm T được ly hôn với anh Trương Văn K.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Anh Trương Văn K được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trương Thảo Vy, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2020.

2.2. Chị Phan Thị Cẩm T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0014810 ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp), chị T không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12-Đồng Tháp;
- UBND phường TL, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng